

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT**



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Chuyên ngành đào tạo:

***TOÁN ỨNG DỤNG TRONG KINH TẾ
QUẢN TRỊ VÀ TÀI CHÍNH***

Mã số: 73.10.10.8

TP. HỒ CHÍ MINH, tháng 8 năm 2018

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Chuyên ngành đào tạo:

***TOÁN ỨNG DỤNG TRONG KINH TẾ
QUẢN TRỊ VÀ TÀI CHÍNH***

Mã số: 73.10.10.8

TP. HỒ CHÍ MINH, tháng 8 năm 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành tại Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm..... của Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế - Luật)

- **Tên chương trình:** Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính (Applied Mathematics in Economics, Management and Finance)
- **Trình độ đào tạo:** Đại học
- **Ngành đào tạo:** Toán kinh tế
- **Loại hình đào tạo:** Chính quy tập trung
- **Mã ngành đào tạo:** 7310108
- **Danh hiệu tốt nghiệp:** Cử nhân Kinh Tế, Ngành Toán Kinh Tế
- **Chủ nhiệm ngành:** TS. Phạm Hoàng Uyên

1. Sự cần thiết và lý do mở ngành đào tạo

1.1. Tầm quan trọng của Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính

Đối với một nền kinh tế lạc hậu và lỗi thời, mọi quyết sách thiên về cảm tính thì quả thật Toán học sẽ đóng vai trò mờ nhạt trong thực tiễn. Gần đây, khi nền kinh tế Việt nam đã gần như hoà nhập vào nền kinh tế Thế Giới thì vấn đề đã có nhiều thay đổi. Hàng loạt các bài toán được đặt ra cho các nhà chiến lược kinh tế: Phân tích tài chính, phân tích thị trường, phân tích các nguồn vốn đầu tư, phân tích các chỉ số phát triển.... Chia khoá cơ bản để giải quyết các vấn đề này là Toán học. Chính vì vậy mà cần có một cái nhìn tiến bộ hơn cho hàm lượng thời gian, hàm lượng kiến thức, chương trình đào tạo cho chương trình Toán ứng dụng cho khối ngành kinh tế. Một thực tế, trong nền kinh tế của nền nông - lâm - ngư nghiệp Việt Nam là "được mùa thì mất giá, được giá thì mất mùa", việc này chủ yếu

do nông dân đầu tư sản xuất theo cảm tính. Đúng ra thực trạng này phải xảy ra với mức độ nghiêm trọng hơn ở Mỹ, nơi sức sản xuất của nông dân rất lớn. Nhưng ở Mỹ với nền xác suất thống kê ứng dụng rất mạnh, họ dự báo chính xác và người dân tin và dựa vào các dự báo này để điều tiết sản xuất. Các mô hình xây dựng đề đập cũng không có chất lượng Toán cao, không lường hết các hậu quả trong các trường hợp đặc thù. Đã đến lúc, cần thiết phải sử dụng các công cụ toán học để giải quyết trực tiếp các bài toán kinh tế lớn.

Để thực hiện việc đó chúng ta cần phải đào tạo ra đội ngũ nhân lực có nền tảng tư duy cũng như tri thức để hiểu và vận dụng giải quyết được các vấn đề trong thực tế. Chẳng hạn, như những vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài chính là yếu tố quan trọng hàng đầu trong nền kinh tế, chúng ta cần thiết phải xây dựng mô hình, các dự báo về tài chính và quản trị rủi ro tài chính ở cả cấp độ vĩ mô lẫn vi mô nhằm hạn chế các nguy cơ vỡ nợ, suy thoái, khủng hoảng cho nền kinh tế.

Bên cạnh đó, những thay đổi và tiến bộ nhanh chóng của Khoa học kỹ thuật sẽ mở ra kỷ nguyên mới của sự lựa chọn các phương án đầu tư kinh doanh, tối ưu hóa sử dụng các nguồn lực, thúc đẩy năng suất lao động và hiệu quả, tạo bước đột phá về tốc độ phát triển, phạm vi mức độ tác động làm biến đổi cơ bản hệ thống sản xuất và quản trị xã hội cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Tiến bộ này chính là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, và nền tảng của nó là Toán học.

1.2. Nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính

Việt Nam đang phát triển mô hình xã hội chủ nghĩa theo định hướng kinh tế thị trường, với sự tham gia và điều tiết của Chính Phủ, và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong vài thập kỷ qua. Do đó, các hoạt động quản trị tài chính trong mọi tổ chức kinh tế cần được nghiên cứu cải tiến liên tục theo đà phát triển.

Trên thế giới đã có rất nhiều tiến bộ trong xây dựng mô hình kinh tế, tài chính dựa trên toán học và ứng dụng công nghệ thông tin. Tuy nhiên những tiến bộ này chưa được áp dụng sâu rộng tại Việt Nam. Một trong những lý do là những cơ sở đào tạo hiện hữu

chưa thực sự tạo dựng sự giao thoa của Toán học, Thống kê, Công nghệ thông tin và các lý thuyết tài chính. Chẳng hạn Đại học Kinh tế có ngành Kinh tế tài chính nhưng đào tạo chưa sâu, ở trường Khoa học Tự nhiên có bộ môn Tài chính định lượng nhưng còn lý thuyết quá nhiều, ở Đại học Sài Gòn cũng thế. Do vậy, cần phải có kiến thức sâu, rộng và liên ngành và bài bản mới có khả năng tham gia hoạt động nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu của thế giới vào tình hình cụ thể tại Việt Nam.

Mặc dù có nhu cầu nhân lực rất lớn, do sự bùng nổ và phát triển của ngành kinh tế, tài chính tại Việt Nam 20 năm qua, việc đào tạo nghiên cứu viên và chuyên gia phân tích, dự báo về tài chính vẫn còn rất hạn chế. Theo hiểu biết của chúng tôi, đã có một số trường đại học đang nỗ lực phát triển và đào tạo về kỹ thuật tài chính và quản trị rủi ro. Tuy nhiên, quá ít ỏi mới đáp ứng được nhu cầu thực tế ở nước ta.

Nhằm góp phần đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế nói chung và hệ thống tài chính nói riêng, cũng như tận dụng được xu thế phát triển, tích hợp các thế mạnh của các ngành học đang có tại Trường Đại học Kinh tế Luật chúng tôi đã nghiên cứu và xây dựng ngành học: **Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính.**

Khác với các chương trình hiện có trong nước, chuyên ngành Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính, Đại học Kinh tế - Luật chúng tôi muốn tạo ra một cơ sở toán với sự cần thiết vừa đủ nhưng song song đó sinh viên ứng dụng mạnh các mô hình toán thống kê, kinh tế lượng toán là mục tiêu hàng đầu. Giúp sinh viên đáp ứng nguồn nhân lực khan hiếm hiện nay tại các tổ chức tài chính, ngân hàng. Ngoài ra chúng tôi rất chú trọng đến lĩnh vực khai thác dữ liệu, phân tích, xử lý dữ liệu nhất là từ khóa Data science. Là vấn đề được quan tâm rất lớn hiện nay. Chuyên ngành đào tạo thể hiện tính ứng dụng cao về mặt toán học trong quá trình đào tạo, tổ chức kết nối với doanh nghiệp nhằm giúp sinh viên có cơ hội cọ sát các vấn đề thực tiễn.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Toán Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội; có năng lực chuyên môn về toán kinh tế, có khả năng phân tích, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề kinh tế thuộc các lĩnh vực kinh tế xã hội, các cấp khác nhau của nền kinh tế quốc dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Phẩm chất chính trị: Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt, hiểu biết đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Kiến thức: Các cử nhân tốt nghiệp chuyên ngành **Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính** có khả năng phân tích, dự báo và tư vấn cho việc hoạch định chính sách và lựa chọn quyết định tác nghiệp một cách có căn cứ khoa học dựa trên các công cụ phân tích định lượng, các phương pháp và phương tiện phân tích dữ liệu hiện đại.

Kỹ năng: Trước hết, sinh viên thành thạo kỹ năng thu thập dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau. Nguồn có thể là dữ liệu sơ cấp hay các dữ liệu thứ cấp chất lượng cao như nguồn dữ liệu có bản quyền của Thomson Reuters đã được trang bị tại trung tâm nghiên cứu kinh tế tài chính, đại học kinh tế luật. Sau đó, sinh viên hoàn thiện các kỹ năng mô hình hóa kinh tế xã hội và phân tích kinh tế bằng mô hình. Sử dụng tốt các kỹ thuật phân tích dữ liệu kinh tế xã hội và dự báo. Biết vận dụng kiến thức hệ thống hình thành kỹ năng làm việc theo nhóm và tổ chức các hoạt động như khảo sát, tổng hợp dữ liệu và lập báo cáo ở các mức độ khác nhau theo nhu cầu công việc. Có kỹ thuật mô phỏng ngẫu nhiên đáp ứng việc nghiên cứu và thực nghiệm.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Nghiêm túc trong nghiên cứu và thực hành. Tôn trọng tính hệ thống trong công việc, cầu thị trong chuyên môn.

Trình độ ngoại ngữ, tin học: đáp ứng chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của ĐHQG, đáp ứng nhu cầu công việc và đào tạo sau đại học.

Trình độ tin học: Sử dụng tốt các phần mềm chuyên dụng trong các lĩnh vực Toán học, Thống kê toán, Mô hình hóa, Mô phỏng, Tài chính: Excel, SPSS, Winstata, Eviews, Gamside, Matlab, MetaStock,...

Khả năng học tập suốt đời: Có khả năng tự học, tự phát triển và học sau đại học.

2.2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)

Chúng tôi xây dựng chuẩn đầu ra với mục đích trước nhất là đảm bảo sinh viên đủ kiến thức và kỹ năng để làm việc trong các doanh nghiệp khi ra trường. Ngoài ra, nếu sinh viên có nguyện vọng tiếp tục con đường học vấn để trở thành nguồn nhân lực với kỹ năng cao cấp sau này thì họ đã được trang bị nền tảng kiến thức cơ bản cả lý thuyết và thực hành vững chắc để tiếp tục lên bậc học thạc sĩ hay tiến sĩ trong và ngoài nước.

Cụ thể hơn chương trình của chúng tôi có đầy đủ các môn nền tảng của kinh tế học như kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, thống kê và kinh tế lượng hay các môn học về tài chính, tính toán sẽ giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể chuyển tiếp học các chương trình sau đại học trong và ngoài nước về kinh tế hay tài chính. Trong khuôn khổ hợp tác sẵn có của trường Đại học Kinh tế Luật thì sinh viên có thể được tài trợ để học chương trình thạc sĩ về Tài chính định lượng của viện xuất sắc John Von Neumann thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh hay chương trình cao học kinh tế của Trung tâm nghiên cứu và hỗ trợ đào tạo Kinh tế-Tài chính, Quản Trị và Môi trường Việt Nam VCREME.

Các môn học liên tục được bổ sung, cập nhật theo kịp tiến bộ mới nhất trên thế giới nên sinh viên sau khi tốt nghiệp hoàn toàn đủ khả năng, tự tin học tiếp lên bậc cao hơn.

TT	Mức độ ¹	Chuẩn đầu ra
1		Kiến thức và lập luận ngành
1.1		Có kiến thức cơ bản tốt về Toán, Thống kê và Công nghệ thông tin
1.2		Có khả năng áp dụng các kỹ thuật tính toán vào lĩnh vực kỹ thuật tài chính và quản trị rủi ro, phân tích dữ liệu doanh nghiệp
1.3		Có kiến thức cơ bản bao quát về kinh tế và tài chính, Quản trị rủi ro và lựa chọn các mô hình, công cụ tính toán để xử lý
2		Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp
2.1		Thể hiện khả năng phân tích và giải quyết vấn đề
2.2		Nghiên cứu và khám phá kiến thức
2.3		Tư duy một cách có hệ thống
2.4		Thái độ tư tưởng đúng đắn và khả năng học tập suốt đời
3		Làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp
3.1		Khả năng làm việc nhóm
3.2		Kỹ năng giao tiếp
3.3		Giao tiếp bằng ngoại ngữ
4		Năng lực thực hành nghề nghiệp
4.1		Khả năng vận dụng kiến thức, phân tích và xử lý số liệu

4.2		Kỹ năng tham gia xây dựng mô hình và đề xuất giải pháp, giải quyết các vấn đề chuyên môn
TT	Mức độ²	Chuẩn đầu ra
1		Kiến thức và lập luận ngành
1.1		Có kiến thức cơ bản tốt về Toán, Thống kê và Công nghệ thông tin
1.2		Có khả năng áp dụng các kỹ thuật tính toán vào lĩnh vực kỹ thuật tài chính và quản trị rủi ro, phân tích dữ liệu doanh nghiệp
1.3		Có kiến thức cơ bản bao quát về kinh tế và tài chính, Quản trị rủi ro và lựa chọn các mô hình, công cụ tính toán để xử lý
2		Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp
2.1		Thể hiện khả năng phân tích và giải quyết vấn đề
2.2		Nghiên cứu và khám phá kiến thức
2.3		Tư duy một cách có hệ thống
2.4		Thái độ tư tưởng đúng đắn và khả năng học tập suốt đời
3		Làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp
3.1		Khả năng làm việc nhóm
3.2		Kỹ năng giao tiếp
3.3		Giao tiếp bằng ngoại ngữ
4		Năng lực thực hành nghề nghiệp



4.1		Khả năng vận dụng kiến thức, phân tích và xử lý số liệu
4.2		Kỹ năng tham gia xây dựng mô hình và đề xuất giải pháp, giải quyết các vấn đề chuyên môn

2.2.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo – môn học

	Môn học	TC	Kiến thức			Mức tự chủ và chịu trách nhiệm					Kỹ năng			Năng lực nghề nghiệp		
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3
	Ngoại ngữ	20										X	X			
HK1	Những NLCB của CN ML	5	X					X	X			X				
	Toán cao cấp	5	X									X				
	Lý luận nhà nước và pháp luật	3		X		X	X			X	X	X		X		
	Kinh tế học vi mô	3	X					X	X			X				
	Môn tự chọn 1	2	X					X				X				
HK2	Luật doanh nghiệp	3	X			X	X	X								
	Kinh tế vĩ mô	3	X						X			X			X	
	Nguyên lý kế toán	3	X							X				X	X	
	Quản trị học căn bản	3	X							X						

	Lý thuyết xác suất	2	X						X							
	Môn tự chọn 1	2	X					X								
	Môn tự chọn 2	2	X									X				
	Giáo dục thể chất	2														
	Giáo dục QP (4 tuần)	165t														
HK3	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	X							X		X				
	Marketing căn bản	3		X		X								X		
	Nguyên lý thị trường tài chính	3		X		X	X	X		X						
	Thống kê ứng dụng	3		X					X						X	
	Data Visualization	2		X					X							
	Môn tự chọn 1	3		X		X	X	X		X						
	Môn tự chọn 2	2		X		X	X	X		X						
HK4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	X							X		X				
	Kinh tế học quốc tế	2		X										X		
	Hệ thống thông tin kinh doanh	2		X					X						X	
	Kinh tế lượng	3		X					X			X			X	
	Thị trường chứng khoán	2		X					X						X	

	Toán kinh tế	3		X				X			X			X	
	Toán tài chính	2		X				X			X			X	
	Tài chính doanh nghiệp	3		X					X		X			X	
HK 5	Dự báo kinh tế	3			X			X				X			X
	Vận trù học	2			X			X				X			X
	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính	3			X			X				X			X
	Thống kê Bayes	3			X			X				X			X
	Môn học tự chọn chuyên sâu 1	3			X			X				X			X
	Môn học tự chọn chuyên sâu 2	2			X			X				X			X
HK6	Tài chính quốc tế	3		X				X				X		X	
	Quản trị rủi ro tài chính	3			X			X				X			X
	Toán tài chính nâng cao	3			X			X				X			X
	Kinh tế vi mô 2	4		X				X				X			X
	Môn học tự chọn chuyên sâu	3			X			X				X			X
HK7	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3													

	Mô hình định giá tài sản	3		X				X				X			X	
	Kinh tế vĩ mô 2	4		X					X			X			X	
	Môn tự chọn 1	3			X				X				X			X
HK8	Thực tập tốt nghiệp	4			X				X				X			X
	Khóa luận tốt nghiệp	6			X				X				X			X

2.2.3. Cơ hội nghề nghiệp

2.5.1 Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp:

Vị trí làm việc sau tốt nghiệp: Với kiến thức được trang bị một cách có hệ thống và tổng hợp, các cử nhân Toán kinh tế có khả năng thích nghi với thực tiễn và làm việc có hiệu quả trong nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội khác nhau: Tài chính - tiền tệ, Phân tích kinh doanh, Phân tích, tư vấn chính sách... Sinh viên tốt nghiệp được trang bị tốt các kiến thức cơ bản để tham dự các chương trình đào tạo sau đại học trong nước và quốc tế. Phát triển các hướng chuyên sâu thuộc lĩnh vực Toán ứng dụng trong kinh tế như Kinh tế toán, Toán tài chính, Định phí bảo hiểm và tài chính, ...

Cử nhân Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính có thể làm việc ở các vị trí:

- + Chuyên viên quản lý danh mục đầu tư, chuyên viên quản trị rủi ro cho các công ty, các tập đoàn kinh tế, các công ty bảo hiểm.
- + Chuyên viên định chế tài chính (Ngân hàng, Công ty tài chính; Công ty chứng khoán)
- + Nghiên cứu viên ở các viện nghiên cứu, cơ quan hoạch định chính sách
- + Giảng viên các trường đại học và cao đẳng khối kinh tế và quản trị kinh doanh

+ Tự xây dựng và điều hành các cơ sở sản xuất kinh doanh, các công ty tài chính, bảo hiểm.

2.5.2 Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Cử nhân tốt nghiệp chuyên ngành Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính sẽ đáp ứng đầy đủ điều kiện về kiến thức và kỹ năng để tiếp tục theo học chương trình thạc sĩ trong khối ngành kinh tế, tài chính và quản trị, tiêu biểu như thạc sĩ về tài chính định lượng của viện John Von Neumann trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Nếu sinh viên chọn con đường tiếp tục học thạc sĩ, họ sẽ trở thành lực lượng lao động chất lượng cao vốn đang thiếu hụt nghiêm trọng trong nền kinh tế thành phố nói riêng và cả nước nói chung.

Ngoài ra, có những chương trình hợp tác đào tạo thạc sĩ về tài chính và kinh doanh giữa Đại học Quốc gia và các trường đại học Ireland và một số quốc gia Châu Âu khác, sinh viên tốt nghiệp sẽ đáp ứng đầy đủ yêu cầu hội nhập để có thể học tốt các chương trình hợp tác quốc tế này. Bên cạnh đó, sinh viên tốt nghiệp sẽ có khả năng tiến hành nghiên cứu chuyên sâu và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh.

3. Thời gian đào tạo: 4 năm với 8 học kỳ

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

130 tín chỉ không kể khối kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và ngoại ngữ.

5. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Khối tuyển sinh:** A, A1, D1
- **Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm: 50** (căn cứ vào chỉ tiêu phân bổ của Trường)

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo Đại học được ban hành kèm theo Quyết Định 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám Đốc ĐHQG TP. Hồ Chí Minh.

6.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được chia làm 8 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở khối ngành: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3, học kỳ 4.
- Khối kiến thức chuyên ngành: học kỳ 4, học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.
- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề: học kỳ 7, 8.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Tích lũy đủ số TC của ngành đào tạo;
- Đạt điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa theo quy định;
- Đạt các chứng chỉ GDQP, chứng chỉ giáo dục thể chất;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Điều kiện ngoại ngữ: đạt chuẩn 500 TOEIC hoặc các văn bằng tương đương.

7. Thang điểm

Thang điểm sử dụng là thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

8. Chương trình đào tạo: 130 Tín chỉ

8.1 Tỷ lệ các khối kiến thức

Hệ đào tạo	Thời gian đào tạo (năm)	Tổng khối lượng kiến thức	Kiến thức cơ bản	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành			TTCK, KLTN hoặc các HPCĐ	Phân bố theo bắt buộc và tự chọn			Ghi chú
				Toàn bộ	Cơ sở ngành	Chuyên ngành		Bắt buộc	Tự chọn		
									Yêu cầu trong CTĐT	Được liệt kê để lựa chọn	
Đại học chính quy	4	130		84	32	52	4+6	95	35	61	Không kê phần kiến thức:ngoại ngữ(20TC), GDTC (5 TC), GDQP (165 tiết, tương đương 8TC)
		Tỷ lệ (%)	27,7	64,6			7,7				

8.2. Cơ cấu các khối kiến thức

Khối kiến thức đại cương	Khối kiến thức cơ sở khối ngành	Khối kiến thức cơ sở nhóm ngành	Khối kiến thức ngành và chuyên ngành	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
38TC	20TC	12 TC	50 TC	10 TC
29%	15%	10%	38%	8%

8.3. Nội dung chi tiết chương trình đào tạo

8.3.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương: 58 tín chỉ

8.3.1.1 Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
		Các môn học bắt buộc (10 TC)	10	10		
1	GEN1001	Những nguyên lý của CN Mác – Lênin	5	5		
2	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3		
3	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		

8.3.1.2 Nhân văn – Kỹ năng: 5 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Không có môn học bắt buộc						
Các môn tự chọn (4 TC)			5	5		
1	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	2		
2	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm	2	2		
3	MIS1004	Tin học ứng dụng	3	3		
4	GEN1007	Logic học	3	3		

8.3.1.3 Khoa học xã hội: 4 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Không có môn học bắt buộc						
Các môn tự chọn (4 TC)			4	4		
1	GEN1106	Xã hội học	2	2		
2	GEN1105	Văn hóa học	2	2		
3	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2	2		
4	GEN1104	Quan hệ quốc tế	2	2		

8.3.1.4 Khoa học kinh tế: 18 tín chỉ

STT	MÃ MÔN	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ
-----	--------	-------------	---------

	HỌC		TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc			18	18		
1	ECO1001	Kinh tế vi mô 1	3	3		
2	ECO1003	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		
3	BUS1100	Quản trị học căn bản	3	3		
4	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3		
5	BUS1200	Marketing căn bản	3	3		
6	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	3		

8.3.1.5. Ngoại ngữ không chuyên: 20 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1	
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1	
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1	
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1	

8.3.1.6. Toán – Thống Kê: 15 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc			15	15		
1	MAT1001	Toán cao cấp	5	5		
2	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2		
3	MAT1003	Thống kê ứng dụng	3	3		

4	MAT1004	Kinh tế lượng	3	3		
5	MAT1007	Data Visualization	2	2		

8.3.1.7. Khoa học pháp lý: 6 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc: 6 TC			6	6		
1	LAW1001	Lý luận Nhà nước và pháp luật	3	3		
2	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3		

8.3.2. Giáo dục thể chất: 5 tín chỉ

8.3.3. Giáo dục quốc phòng: 165 tiết (tương ứng 8 tín chỉ)

8.4. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 62 tín chỉ

8.4.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành: 12 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Môn tiên quyết	TÍN CHỈ			
				TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/T N	KHÁC
Các môn học bắt buộc				12			
1	MAT1008	Toán kinh tế		3			
2	ECO1006	Dự báo kinh tế		3			
3	MAT1009	Toán tài chính		3			
4	FIN1102	Tài chính doanh nghiệp		3			

8.4.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành: 50 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Môn tiên quyết	TÍN CHỈ			
				TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/T N	KHÁC
Các môn học bắt buộc: 37 TC							
1	MIS1005	Hệ thống thông tin trong kinh doanh		2			
2	FIN1112	Quản trị rủi ro tài chính		3			
3	MAT1012	Thống kê Bayes		3			
4	MAT1015	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính		3			
5	MAT1017	Toán tài chính nâng cao		3			
6	MAT1018	Mô hình định giá tài sản		3			
7	MAT1012	Vận trù học		2			
8	FIN1109	Thị trường chứng khoán		2			
9	COM1007	Tài chính quốc tế		3			
10	COM1001	Kinh tế học quốc tế		2			
11	ECO1005	Lập thẩm định dự án đầu tư		3			
12	ECO1011	Kinh tế vi mô 2		4			
13	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2		4			
Các môn học tự chọn: 13 TC							
1	MAT1021	Phương pháp tối ưu trong học máy		3			
2	MAT1022	Thống kê Bayes nâng cao		3			
3	MAT1020	Phân tích số liệu mảng		2			

4	MAT1019	Phân tích dữ liệu Bayes		2			
5	MAT1025	Seminar		3			
6	MAT1016	Lập trình thống kê		3			
7	MAT1026	Toán ứng dụng trong quản trị rủi ro và danh mục đầu tư		3			
8	MAT1028	Thống kê trong Quản trị kinh doanh và Marketing		3			
9	MAT027	Định phí bảo hiểm		3			
10	MAT1010	Lý thuyết trò chơi		3			
11	MAT1029	Kinh tế lượng nâng cao		3			
12	MIS1017	Phân tích dữ liệu web		3			
13	MIS1008	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải		3			
14	MIS1011	Cơ sở dữ liệu		3			
15	MAT1024	Giới thiệu về máy học		3			

8.5. Thực tập tốt nghiệp + Khóa luận tốt nghiệp (Học 2 chuyên đề TN): 10
tín chỉ

9. Dự kiến Kế hoạch giảng dạy

HỌC KỲ I – 18 TC (không bao gồm giáo dục thể chất)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	16	16			
1	GEN1001	Những nguyên lý cơ bản của Mác-Lênin	5	5			
2	ECO1001	Kinh tế học vi mô	3	3			MAT1001
3	LAW1001	Lý luận Nhà nước và pháp luật	3	3			
4	MAT1001	Toán cao cấp (5TC)	5	5			
		Môn học tự chọn	2	2			
7	GEN1101	Tâm lý học đại cương	2 môn chọn 1	2	2		GEN1001
8	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp		2	2		
9	GEN1004	Giáo dục thể chất 1	3	3			

HỌC KỲ II – 18 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC		Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc		14	14			
1	LAW1501	Luật doanh nghiệp		3	3			
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô		3	3			MAT1001 ECO1001
3	ACC113	Nguyên lý kế toán		3	3			
4	BUS1100	Quản trị học căn bản		3	3			
5	MAT1002	Lý thuyết xác suất		2	2			MAT1001
		Môn học tự chọn		4	4			
6	GEN1105	Văn hóa học	2 môn chọn 1	2	2			
7	GEN1106	Xã hội học		2	2			
8	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2 môn chọn 1	2	2			
9	GEN1104	Quan hệ quốc tế		2	2			
10	GEN1005	Giáo dục thể chất 2		3	3			
11	GEN1006	Giáo dục QP (4 tuần)		165t				



HỌC KỲ III (NĂM 2): 19 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	14	14			
1	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3			
2	MAT1003	Thống kê ứng dụng	3	3			MAT1001 MAT1002
3	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3			ECO1001 ECO1002
4	MAT1007	Data Visualization	2	2			
5	BUS1200	Marketing căn bản	3	3			
		Môn học tự chọn	5	5			
6	ECO1003	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 môn chọn 1	2	2		MAT1001 MAT1002 MAT1003
7	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm		2	2		
8	MIS1004	Tin học ứng dụng	2 môn chọn 1	3	3		
9	GEN1007	Logic học		3	3		

HỌC KỲ IV: 20 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	20	19	1		
1	MAT1008	Toán kinh tế	3	3			MAT1001
2	MIS1005	Hệ thống thông tin trong kinh doanh	2	1	1		
3	MAT1009	Toán tài chính	3	3			
4	FIN1109	Thị trường chứng khoán	2	2			
5	COM1001	Kinh tế học quốc tế	2	2			ECO1001 ECO1002
6	FIN1102	Tài chính doanh nghiệp	3	3			
7	MAT1004	Kinh tế lượng	3	3			MA10001 MAT1002 MAT1003
8	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			

HỌC KỲ V: 16 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	11	11			
1	ECO1006	Dự báo kinh tế	3	3			MAT1004
2	MAT1012	Vận trù học	2	2			
3	MAT1014	Thống kê Bayes	3	3			
4	MAT1015	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính	3	3			MAT1004
		Môn học tự chọn	5	5			
1	MAT1016	Lập trình thống kê	3	3			
2	MIS1008	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	3			MIS1004
3	MAT1026	Toán ứng dụng trong quản trị rủi ro và phân bổ đầu tư	3	3			
4	MAT1029	Kinh tế lượng nâng cao	3	3			MAT1004
5	MIS1017	Phân tích dữ liệu web	3	3			
6	MAT1020	Phân tích số liệu mạng	2	2			MAT1004
7	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	2	2			

HỌC KỲ VI: 16 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	13	13			
1	COM1007	Tài chính quốc tế	3	3			
2	FIN1112	Quản trị rủi ro tài chính	3	3			
3	MAT1017	Toán tài chính nâng cao	3	3			MAT1009
4	ECO1011	Kinh tế vi mô 2	4	4			ECO1001
		Môn học tự chọn	3	3			
1	MAT1019	Phân tích dữ liệu Bayes	3	3			MAT1003
2	MAT1024	Giới thiệu về máy học	3	3			
3	MAT1028	Thống kê trong Quản trị kinh doanh và Marketing	3	3			MAT1004

HỌC KỲ VII: 13 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	10	10			
1	ECO1005	Lập thẩm định dự án đầu tư	3	3			
2	MAT1018	Mô hình định giá tài sản	3	3			FIN1102
3	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2	4	4			ECO1002
		Môn học tự chọn	3	3			
1	MAT1022	Thống kê Bayes nâng cao	3	3			MAT1014
2	MAT1021	Phương pháp tối ưu trong học máy	3	3			MAT1003 MAT1007
3	MAT1025	Seminar (invited lectures)	3	3			
4	MAT1027	Định phí bảo hiểm	3	3			MAT1003

HỌC KỲ VIII: 10 TC

	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1		Thực tập tốt nghiệp	4		4		
2		Khóa luận tốt nghiệp	6		6		

KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ: 20 TC

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1		Đầu vào A2
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1		ENG1001
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1		ENG1002
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1		ENG1003

KHỐI TỰ CHỌN MỞ RỘNG (chọn 12 tín chỉ theo khối tự chọn mở rộng)

Sinh viên có thể chọn lựa khối môn học tự chọn mở rộng của các chương trình giáo dục khác với chương trình giáo dục **chính** nhằm đa dạng hóa kiến thức tích lũy và kết quả học tập khối môn học tự chọn mở rộng được thể hiện thành khối kiến thức chương trình giáo dục **phụ** trên bảng điểm tốt nghiệp

Chương trình giáo dục: Kinh tế học (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1011	Kinh tế vi mô 2	4	4			
2	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2	4	4			
3	ECO1014	Kinh tế phát triển	4	4			
4	ECO1008	Kinh tế công	3	3			
5	ECO1013	Kinh tế lao động	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế và quản lý công (chọn 12 TC)

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1022	Kinh tế công 2	2	2			
2	ECO1023	Chính sách công	4	4			
3	ECO1025	Quản lý công	3	3			
4	ECO1014	Kinh tế phát triển	3	3			
5	ECO1009	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	3			
6	ECO1008	Kinh tế lao động	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế đối ngoại (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1010	Tập quán thương mại quốc tế	3	3			
2	COM1011	Logistics	3	3			

3	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	3			
4	COM1028	Phân tích chính sách đối ngoại của Việt Nam (seminar)	3	3			
5	COM1006	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh doanh quốc tế (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1020	Quản trị đa văn hoá	3	3			
2	COM1005	Kinh doanh quốc tế	3	3			
3	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3			
4	COM1022	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3			
5	COM1015	Đầu tư quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Tài chính							
1	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
2	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			
3	FIN1109	Phân tích chứng khoán	3	3			

4	FIN1104	Thuế	3	3			
5	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
6	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
Ngân hàng							
1	FIN1201	Tiền tệ ngân hàng	3	3			
2	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
3	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
4	FIN1206	Ngân hàng thương mại nâng cao	3	3			
5	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
6	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			

Chương trình giáo dục: Kế toán (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1023	Kế toán tài chính	4	4		ACC1013	
2	ACC1502	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
3	ACC1063	Kế toán phần hành 1	3	3		ACC1013	
4	ACC1153	Thuế - thực hành và khai báo	3	3			
5	ACC1582	Phân tích báo cáo tài chính	2	2		ACC1034	

Chương trình giáo dục: Kiểm toán (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1033	Kế toán tài chính 1	3	3		ACC1013	
2	ACC1043	Kế toán tài chính 2	3	3		ACC1013	
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
4	ACC1083	Kế toán quốc tế	3	3		ACC1013	
5	ACC1583	Phân tích báo cáo tài chính	3	3		ACC1034	

Chương trình giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý (chọn 12 TC) (sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1							
1	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	2	1	MIS1015	
2	MIS1022	Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1		
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	2	1		
4	MIS1023	Kế toán tin học	3	2	1		
Nhóm 2							
1	MIS1024	Lập trình CSDL	3	2	1	MIS1011, MIS1007	

2	MIS1025	Thiết kế Web 2	3	2	1	MIS1012	
3	MIS1026	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	2	1	MIS1011, MIS1012	
4	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	2	1	MIS1015	

Chương trình giáo dục: Thương mại điện tử (chọn 12 TC) (sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1							
1	MIS1021	Phân tích & Thiết kế quy trình nghiệp vụ	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP	3	3			
3	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	3		MIS1015	
4	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	3		MIS1006	MIS1007
Nhóm 2							
1	MIS1021	Phân tích & Thiết kế quy trình nghiệp vụ	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP	3	3			
3	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	3		MIS1006	MIS1007
4	MIS1033	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3	3			MIS1011

Chương trình giáo dục: Quản trị kinh doanh, Marketing (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	BUS 1103	Quản trị nguồn nhân lực	3	Chọn 3 trong 5 môn			
2	BUS 1105	Quản trị chiến lược	3				
3	BUS 1205	Quản trị marketing	3				
4	BUS 1207	Quản trị truyền thông	3				
5	BUS 1210	Nghiên cứu marketing	3				
6	BUS 1300	Nghệ thuật lãnh đạo	3	Chọn 1 trong 2 môn			
7	BUS 1308	Kỹ năng bán hàng	3				

Chương trình giáo dục: Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1502	Luật hợp đồng	3	3			
2	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3	3			
3	LAW1503	Luật Thương mại	3	3			
4	LAW1505	Luật Đất đai	3	3			
5	LAW1508	Luật cạnh tranh	3	3			
6	LAW1518	Luật Kinh doanh quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Luật dân sự (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1103	Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102
3	LAW1108	Pháp luật về tài sản trong gia đình	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1107
4	LAW1109	Tổ tụng dân sự	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
5	LAW1114	Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1109 LAW1113

Chương trình giáo dục: Luật Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1201	Luật ngân hàng	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
3	LAW1206	Luật chứng khoán	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
4	LAW1212	Luật thuế	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1207

10. Kế hoạch thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp/học chuyên đề tốt nghiệp

10.1 Thực tập tốt nghiệp:

10.1.1 Chuẩn bị

Đầu học kỳ VII, Bộ Môn gặp gỡ sinh viên phổ biến về kế hoạch thực tập tốt nghiệp: Thời gian, yêu cầu doanh nghiệp thực tập, đề tài báo cáo, nội dung báo cáo,...; Định hướng cho sinh viên chọn đề tài báo cáo; Bộ Môn sẽ hướng dẫn giới thiệu thực tập cho sinh viên hoặc sinh viên tự liên hệ và với doanh nghiệp thực tập....

Bộ Môn cung cấp giấy giới thiệu cho sinh viên và mọi hỗ trợ cần thiết để sinh viên liên hệ doanh nghiệp thực tập.

Sau khi liên hệ được doanh nghiệp thực tập, sinh viên đăng ký sơ bộ đề tài báo cáo tốt nghiệp, với đề nghị giảng viên hướng dẫn nếu có thỏa thuận với giảng viên.

Bộ Môn phân công giảng viên hướng dẫn cho từng sinh viên.

Cuối học kỳ VII, Sinh viên gặp gỡ giảng viên hướng dẫn, trao đổi cụ thể về kế hoạch thực tập tốt nghiệp và viết báo cáo thực tập.

10.1.2. Thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp và viết báo cáo:

- Sinh viên sẽ xin triển khai đề tài khóa luận của mình tại doanh nghiệp và theo sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn
- Kết thúc thời gian thực tập (10 tuần), sinh viên nộp báo cáo và nhận xét đánh giá của doanh nghiệp thực tập.
- Sinh viên hoàn thành đề tài để chuẩn bị báo cáo khóa luận.

10.2 Làm khóa luận tốt nghiệp

Cuối học kỳ VII, Khoa phân công giảng viên hướng dẫn làm khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận.

- Sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian từ khi sinh viên học chuyên đề đến khi kết thúc thực tập.
- Sinh viên viết đề cương chi tiết về khóa luận, nộp cho giảng viên hướng dẫn.
- Giảng viên hướng dẫn góp ý, chỉnh sửa Đề cương chi tiết.
- Bộ môn góp ý về đề cương chi tiết của sinh viên.
- Sinh viên vừa thực tập tại doanh nghiệp (hoặc với giáo viên hướng dẫn) vừa triển khai để hoàn thành khóa luận.
- Giảng viên hướng dẫn viết nhận xét với điểm đánh giá.
- Khóa luận được phản biện và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trước hội đồng

❖ Thỏa thuận của các đơn vị, cơ sở bên ngoài về việc nhận sinh viên thực tập:

Trường đại học Kinh tế - Luật có ký thỏa thuận hợp tác với nhiều doanh nghiệp, đơn vị trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là những đơn vị hoạt động trong lĩnh

vực tài chính, chứng khoán, bao gồm những doanh nghiệp tiếp nhận sinh viên thực tập.

11. Tóm tắt đề cương môn học

11.1 NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN (THEORIES OF MAC-LENIN)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của nó.

- Triết học Mác – Lênin bao gồm: Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phép biện chứng duy vật và Chủ nghĩa duy vật lịch sử
- KTCT Mác – Lênin bao gồm: Học thuyết giá trị; Học thuyết giá trị thặng dư và Học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và độc quyền nhà nước.
- CNXH khoa học bao gồm: Sứ mệnh của giai cấp công nhân và tiến trình cách mạng XHCN và Các quy luật kinh tế, chính trị, xã hội của CNXH

11.2 KINH TẾ HỌC VI MÔ 1 (MICROECONOMICS)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Toán cao cấp

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Bao gồm những nội dung cơ bản của kinh tế vi mô: Cung cầu thị trường, cân bằng cung cầu, hành vi người tiêu dùng, doanh nghiệp và sản xuất, lý thuyết chi phí, thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, độc quyền nhóm, cạnh tranh độc quyền, thị trường yếu tố sản xuất....

11.3 LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT (FUNDAMENTALS OF LEGISLATION)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Nội dung môn học bao gồm 7 chương về các vấn đề của pháp luật và hệ thống luật Việt Nam

11.4 TOÁN CAO CẤP (Higher Mathematics)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Phần đầu của môn học trang bị các kiến thức nhập môn về ĐSTT và một số ứng dụng cơ bản của ĐSTT trong kinh tế, đặc biệt là QHTT. Phần 2 trang bị kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, sơ lược về tích phân bội và phương trình vi phân, các ứng dụng cơ bản của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế.

Nội dung bao gồm: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính; không gian R^n ; giá trị riêng, vector riêng của ma trận; dạng toàn phương; một số ứng dụng cơ bản của ĐSTT và QHTT trong kinh tế; bài toán QHTT và phương pháp đơn hình, bài toán QHTT đối ngẫu. Hàm nhiều biến, sơ lược về giới hạn và tính liên tục của hàm hai biến, đạo hàm riêng và vi phân, cực trị địa phương và cực trị toàn cục của hàm hai biến; sơ lược về tích phân kép và phương trình vi phân cấp 1, cấp 2; ứng dụng của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế.

11.5 ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

- **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối CM của ĐCSVN, trong đó tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ từ đổi mới trên một số lĩnh vực KT – CT – VH - XH, đối ngoại...vv. XD cho SV niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản VN, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.
- Giúp SV vận dụng kiến thức môn học để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề KT – CT – VH - XH... theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

11.6 KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM (Teamwork)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

- Kỹ năng làm việc nhóm là một trong những kỹ năng mềm rất cần thiết trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc. Muốn có kỹ năng làm việc nhóm tốt, các

sinh viên phải hiểu rõ các lý thuyết cơ bản và bản chất quá trình nhóm làm việc, đồng thời các sinh viên phải vận dụng, phải quan sát và trải nghiệm thực tế để tự rút ra các bài học.

- Sinh viên sẽ có thể áp dụng được các kỹ năng làm việc nhóm vào quá trình học tập; thành lập, xây dựng nhóm, phân công công việc hợp lý; xây dựng được quy tắc làm việc chung trong nhóm; biết cách áp dụng các nguyên tắc và các kỹ năng cơ bản trong làm việc nhóm; thực hành được một số kỹ năng làm việc nhóm như: kỹ năng trình bày, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng xử lý mâu thuẫn, kỹ năng tổ chức cuộc họp, kỹ năng lãnh đạo; và duy trì được tinh thần làm việc đồng đội hiệu quả.

- Môn học này phục vụ cho rất nhiều đối tượng: làm việc trong kinh doanh, hành chính, trong nhóm công tác xã hội, làm việc với cộng đồng, Đặc biệt đối với sinh viên, kỹ năng làm việc nhóm sẽ giúp các bạn hòa nhập nhanh chóng với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp và thăng tiến sự nghiệp.

11.7 TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG (FUNDAMENTAL PSYCHOLOGY)

- ❖ **Điều kiện tiên quyết:** Triết học

- ❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Thông qua môn học sinh viên có khả năng nắm được những đặc điểm đặc trưng, cơ chế nảy sinh, hình thành và biểu hiện cụ thể của các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người qua đó biết vận dụng những hiểu biết về tâm lý vào trong giao tiếp ứng xử và trong cuộc sống lao động, học tập.

11.8 NHẬP MÔN KHOA HỌC GIAO TIẾP (INTRODUCTION TO SCIENCE COMMUNICATION)

- ❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

- ❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học bao gồm 9 chương. Qua đó giới thiệu cho sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản về giao tiếp, truyền thông; thế nào là hành vi, nguồn gốc của hành vi. Đồng thời sinh viên nhận thức nhu cầu là động lực giúp con người hành động và tự đánh giá mình. Sinh viên nhận thức được về các yếu tố của truyền thông không lời và truyền thông có lời từ đó biết cách cải tiến truyền thông có lời hiệu quả để tăng cường và phát triển mối quan hệ...

11.9 LUẬT DOANH NGHIỆP (Corporation law)

- ❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

- Những nội dung cơ bản về doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về loại hình doanh nghiệp, mô tả cơ bản quy chế pháp lý về từng loại hình doanh nghiệp;

- Trong từng nội dung cụ thể, nội dung của môn học sẽ giúp người học tiếp cận từng vấn đề cụ thể trong việc tổ chức quản trị doanh nghiệp, quy định về quy chế tài chính của doanh nghiệp và quan hệ pháp lý giữa chủ sở hữu với doanh nghiệp, các thành viên công ty với nhau;

- Nội dung môn học còn giúp người học nắm rõ quy chế pháp lý về tổ chức lại doanh nghiệp như chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và chuyển đổi các loại hình doanh nghiệp.

11.10 KINH TẾ VĨ MÔ (MACROECONOMICS)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Toán cao cấp, Kinh tế học vi mô

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học gồm 9 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản phân tích tương tác giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản. Gồm các nội dung cơ bản sau:

- Tính sản lượng quốc gia và thu nhập quốc dân
- Xác định tổng cung, tổng cầu, chính sách tài khoá
- Thị trường tiền tệ và chính sách tiền tệ
- Lạm phát và thất nghiệp
- Nền kinh tế mở
- Tăng trưởng và phát triển kinh tế

11.11 NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN (PRINCIPLES OF ACCOUNTING)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về kế toán như vai trò, chức năng, nhiệm vụ, ... của kế toán; Ngoài ra môn học này còn giúp sinh viên nắm chắc nội dung các phương pháp và nguyên tắc kế toán tạo tiền đề giúp sinh viên tiếp tục nghiên cứu các môn kế toán ngành.

11.12 QUẢN TRỊ HỌC CĂN BẢN (MANAGEMENT THEORIES)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học cung cấp cho người học những nguyên lý và kỹ thuật cần được thực hiện khi con người kết hợp với nhau thành các tổ chức để hoàn thành những mục tiêu chung. Môn học bắt đầu với quản trị là gì và nhà quản trị là ai, làm gì, làm việc ở đâu? Tại sao phải nghiên cứu quản trị? Những khía cạnh của môi trường bên trong và bên ngoài của tổ chức và tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động của tổ chức. Nguyên tắc, hình thức và nguồn thông tin; thông tin trong tổ chức và quản trị thông tin như thế nào? Các mô hình và khái niệm cơ bản được các nhà quản trị trong tổ chức sử dụng để đưa ra các quyết định. Bốn chức năng quản trị cơ bản: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.

11.13 LÝ THUYẾT XÁC SUẤT (PROBABILITY AND STATISTICS)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Toán Cao Cấp

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Bố cục của môn học được chia thành hai phần: Lý thuyết xác suất và Thống kê.

- Phần xác suất trình bày những kiến thức cơ bản và cốt lõi của lý thuyết xác suất mà sinh viên các ngành học đều đòi hỏi. Sinh viên có thể biết được thế nào là một hiện tượng ngẫu nhiên, đối tượng nghiên cứu của nó. Tính được khả năng xảy ra của các hiện tượng đó là bao nhiêu, từ đó có thể vận dụng kết quả để đưa ra các quyết định cần thiết. Cung cấp cho sinh viên một số phân phối xác suất cơ bản để vận dụng vào việc tính xác suất của một biến số ngẫu nhiên và cơ sở để nghiên cứu các chương sau.

- Trong phần kiến thức cơ bản về Thống kê tập trung vào các phần quan trọng như Lý thuyết lấy mẫu, Bài toán ước lượng, và Bài toán Kiểm định giả thuyết. Sinh viên có thể vận dụng vào các môn học trong chuyên ngành Kinh tế như Lý thuyết thống kê, Kinh tế lượng.

11.14 TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (Theo giáo trình của Bộ Giáo dục & Đào tạo)

11.15 VĂN HÓA HỌC (CULTURISM)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức, phương pháp học tập, nghiên cứu sau:

- Phương pháp, đối tượng nghiên cứu văn hoá học.
- Khái niệm văn hoá, văn minh, các trào lưu, trường phái văn hoá học.
- Phương pháp ứng dụng văn hoá học trong kinh tế, du lịch.
- Chủ trương, chính sách văn hoá, văn hoá học trong bối cảnh mới.

11.16 XÃ HỘI HỌC (SOCIOLOGY)

❖ Điều kiện tiên quyết: không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Ngoài việc giới thiệu một số kiến thức lý luận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học..., môn học còn giúp sinh viên hiểu rằng xã hội là một hệ thống phong phú bởi nó bao gồm nhiều vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại. Nội dung môn học gồm 14 chương, trình bày sơ lược về những điều kiện, tiền đề của sự ra đời ngành xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của khoa học này (từ chương 1 đến chương 3), những vấn đề cơ bản của xã hội học (từ chương 4 đến chương 12), các chuyên ngành xã hội học (chương 13) và phương pháp nghiên cứu xã hội học (chương 14).

11.17 ĐỊA CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI (POLITIC POLICIES IN THE WORLD)

❖ Điều kiện tiên quyết: không

❖ Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những lý thuyết về Địa chính trị trên thế giới, qua đó phân tích, lý giải và nắm vững các sự kiện chính trị, diễn biến chính trị theo các khu vực địa lý từ không gian hẹp của một vùng, quốc gia, một khu vực (nhóm quốc gia) đến các châu lục và toàn cầu.
- Học phần giúp sinh viên bước đầu tiếp cận và đánh giá tầm quan trọng của các khu vực chiến lược trên thế giới, qua đó giúp trang bị những kiến thức giúp người học hiểu biết nhiều hơn về đời sống quốc tế trong thời kỳ toàn cầu hóa ngày càng phát triển hiện nay.
- Liên hệ chặt chẽ với thực tiễn của đất nước, chọn lọc được những kinh nghiệm phù hợp, chấp nhận những ảnh hưởng tích cực, đề ra những chủ trương, giải pháp để ngăn chặn các tác động tiêu cực là đảm bảo nguyên tắc ưu tiên toàn diện cho lợi ích quốc gia.

11.18 QUAN HỆ QUỐC TẾ (INTERNATIONAL RELATIONS)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học sẽ nghiên cứu về các chủ thể trong quan hệ quốc tế, quyền lực trong quan hệ quốc tế, Hệ thống quốc tế, Công cụ trong quan hệ quốc tế, Công cụ trong quan hệ quốc tế, Hợp tác và hội nhập trong quan hệ quốc tế

11.19 TOÁN CAO CẤP (HIGHER MATHEMATICS)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Phần đầu của môn học trang bị các kiến thức nhập môn về ĐSTT và một số ứng dụng cơ bản của ĐSTT trong kinh tế, đặc biệt là QHTT. Phần 2 trang bị kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, sơ lược về tích phân bội và phương trình vi phân, các ứng dụng cơ bản của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế.

11.20 MARKETING CĂN BẢN (PRINCIPLES OF MARKETING)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Bao gồm những vấn đề cơ bản của Marketing, gồm 8 chương, xem phần nội dung chi tiết môn học.

11.21 NGUYÊN LÝ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH (Lý thuyết tài chính tiền tệ - ECONOMICS OF MONEY AND FINANCIAL MARKETS)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Kinh tế học căn bản

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Gồm những kiến thức liên quan đến công cụ, kỹ năng, phương pháp tư duy kinh tế ở một số nguyên lý kinh tế cơ bản như: cấu trúc và tổ chức của thị trường tài chính trong và ngoài nước; giải thích phạm trù tài chính, vai trò ngân sách nhà nước; một cách tiếp cận đơn giản với vấn đề lựa chọn tài sản đầu tư (lý thuyết lượng cầu tài sản); khái niệm về sự cân bằng, phân tích cung cầu; phân tích biến động và cấu trúc rủi ro của lãi suất; hoạt động trên thị trường ngoại hối; chênh lệch thông tin (lựa chọn nghịch và rủi ro đạo đức).....

11.22 GIỚI THIỆU CÁC PHẦN MỀM THỐNG KÊ

❖ **Điều kiện tiên quyết:** KHÔNG

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học thuộc phạm vi kiến thức khoa học cơ bản. Nó cung cấp các kiến thức hết sức cần thiết về việc sử dụng phần mềm để thực hiện các công việc cụ thể trong thống kê. Các kiến thức này hỗ trợ nhiều cho sinh viên tiếp thu các môn học cơ sở và chuyên ngành của mình.

11.23 THỐNG KÊ ỨNG DỤNG (APPLIED STATISTICS)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Toán Cao cấp, Lý thuyết Xác suất

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế – xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp phân tích kinh tế – xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế.

11.24 CẤU TRÚC DỮ LIỆU VÀ GIẢI THUẬT (data structure and algorithm)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Tin học cơ sở, Kỹ thuật lập trình

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Tìm hiểu cách thức xây dựng cấu trúc cho bài toán lập trình tìm hiểu về mảng, list, heap, cây ... và cách thức thao tác trên các cấu trúc dữ liệu trên. Đồng thời tìm hiểu các xử lý thuật toán trong tìm kiếm và sắp xếp. Đánh giá và phân tích tốc độ các thuật toán.

11.25 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (RESEARCH METHODOLOGY)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên học xong toán cao cấp, Lý thuyết xác suất và thống kê toán

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn “Phương pháp nghiên cứu khoa học” được giảng dạy với các nội dung chính: nghiên cứu, các bước tiến hành một nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu và các phương pháp phân tích số liệu phục vụ nghiên cứu, các nội dung và trình tự nội dung của một báo cáo nghiên cứu như luận văn, và giới thiệu những vấn đề nghiên cứu kinh tế trên các khía cạnh vĩ mô và vi mô. Trong các nội dung trình bày sẽ có các thảo luận về bài tập tình huống có liên quan, đồng thời gợi ý các chuyên đề (tiểu luận) có thể vận dụng phương pháp được học như thế nào.

11.26 KINH TẾ LƯỢNG (Ecomometric)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** TCC, LTXS, TKUD

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học này giới thiệu phương pháp sử dụng các mô hình, dữ liệu và các phép phân tích để giúp sinh viên có khả năng hiểu và mô tả được các hiện tượng của kinh tế xã hội nhằm hoạch định các chính sách / chiến lược có cơ sở khoa học rõ ràng. Cụ thể hơn, môn học sẽ giới thiệu những phương pháp chuẩn để ước lượng các quan hệ giữa những yếu tố kinh tế được quan sát và kiểm định các giả thiết về các quan hệ đó.

11.27 KINH TẾ HỌC QUỐC TẾ (International Economics)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học gồm 7 chương, xem phần nội dung chi tiết môn học.

11.28 DATA VISUALIZATION

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

11.29 CƠ SỞ DỮ LIỆU (DATABASE)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Không

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** *Môn học gồm 4 phần:*

- Phần một: Giới thiệu, thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ: giúp cho sinh viên nắm được như thế nào là lược đồ cơ sở dữ liệu quan hệ, vai trò của cơ sở dữ liệu trong hệ thống thông tin, từ khảo sát hiện trạng, phân tích được các yêu cầu, đưa ra các thiết kế luận lý.

- Phần hai: Ngôn ngữ truy vấn dữ liệu có cấu trúc – SQL: cung cấp các cú pháp, phép toán, hàm và dạng truy vấn khai thác thông tin.

- Phần ba: Chuẩn hóa CSDL, giới thiệu các dạng chuẩn, đưa ra các giải pháp để tối ưu hóa cơ sở dữ liệu.

- Phần bốn: Viết phần mềm khai thác CSDL trên C# theo mô hình 3 lớp.

11.30 TOÁN KINH TẾ (MATHEMATICS FOR ECONOMICS)

- **Điều kiện tiên quyết:** : Toán cao cấp

- **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học thuộc phạm vi kiến thức khoa học cơ bản. Nó cung cấp các kiến thức hết sức cần thiết trong việc mô tả các bài toán kinh tế bằng các mô hình toán học. Các kiến thức này hỗ trợ nhiều cho sinh viên tiếp thu các môn học cơ sở và chuyên ngành của mình.

11.31 DỰ BÁO KINH TẾ

❖ **Điều kiện tiên quyết:** TCC,LTXS, TKUD, KTL

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp dự báo các hiện tượng kinh tế xã hội bao gồm việc phân tích thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế - xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập nhằm lựa chọn phương pháp dự báo phù hợp. Trang bị các phương pháp phân tích, dự báo kinh tế - xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế

11.32 PHÂN TÍCH CHUỖI THỜI GIAN TRONG TÀI CHÍNH

❖ **Điều kiện tiên quyết:** KHÔNG

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Mục tiêu của học phần: (i) Cung cấp các kiến thức lý thuyết nâng cao về phân tích chuỗi thời gian; (ii) Cung cấp các kỹ thuật cần thiết để phân tích thực nghiệm các chuỗi thời gian trong tài chính; (iii) Mô hình hóa, ước lượng, kiểm định một số lớp mô hình cụ thể (AR, MA, ARIMA, VAR, ECM, GARCH); (iv) Cung cấp các kỹ thuật dự báo cho chuỗi thời gian ứng dụng trong tài chính.

Sau khi học xong học phần, sinh viên hiểu được các lý thuyết cơ bản, cách mô hình hóa, định dạng, ước lượng, dự báo một hoặc nhiều chuỗi chuỗi thời gian trong tài chính; sử dụng được phần mềm EVIEWS để tính toán.

11.33 THỐNG KÊ BAYES

❖ **Điều kiện tiên quyết:**

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** phân phối có điều kiện, phân phối đồng thời, phân phối lẻ, ước lượng mật độ phi tham số, phân phối tiên nghiệm, phân

phối hậu nghiệm, phân phối dự báo, hàm niềm tin, luật Bayes, tính hoán đổi, liên hợp, bán liên hợp, phương pháp Monte Carlo, tạo mẫu theo phương pháp Gibbs, mô hình nhị thức, mô hình Poisson, mô hình chuẩn một chiều, mô hình chuẩn nhiều chiều, phân phối Wishart và Wishart ngược, dữ liệu bị thiếu, hồi quy Bayes, chọn lựa mô hình.

11.34 THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

❖ **Điều kiện tiên quyết:**

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Sinh viên sau khóa học sẽ được trang bị kiến thức về mô hình và cơ chế hoạt động của thị trường chứng khoán và thực tế thị trường chứng khoán tập trung có tổ chức tại Việt Nam. Bên cạnh đó, sinh viên được giới thiệu các kỹ năng quan sát động thái giá cả chứng khoán trên thị trường từ đó hình thành khả năng nhận định thị trường dựa trên phân tích kỹ thuật.

11.35 TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (INTERNATIONAL FINANCE)

❖ **Điều kiện tiên quyết:**

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** The course presents structure, operational mechanism of the international financial markets system, the interrelationships between finance and money such as exchange rate, interest rates, inflation, income and balance of payments and knowledge of the exchange rate risk management, the regime and policy of the exchange rate, international capital flows and international balance of payments. Issues relating to purchasing power parity, interest rate parity and international Fisher effect are also discussed. Moreover, the course provides knowledge of the role, position and influence of international financial on a companies' activities, especially MNCs.

11.36 QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

❖ **Điều kiện tiên quyết:**

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Mục tiêu chung của môn học là tạo cho sinh viên nắm bắt cơ sở lý thuyết để nhận thức và đánh giá các rủi ro có thể xảy ra trong lĩnh vực tài chính và đầu tư tài chính. Môn học cũng dành phần lớn thời lượng để nghiên cứu các rủi ro cũng như đi vào phân tích, đánh giá, đo lường loại rủi ro có thể xảy ra. Đây

là kiến thức nền tảng cơ bản giúp sinh viên có kiến thức tổng hợp và lý luận thực tiễn phục vụ cho quá trình làm việc sau khi ra trường có khả năng vận dụng vào công tác thực tế tại các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính cũng như tại các doanh nghiệp phục vụ cho công tác đầu tư cũng như quản trị rủi ro.

11.37 KINH TẾ HỌC QUỐC TẾ

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Kinh tế vi mô

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** những kiến thức cơ bản của kinh tế học quốc tế, làm cơ sở lý thuyết cho việc học tập các môn học thuộc lĩnh vực kinh tế-quản lý

11.38 THÔNG KÊ TRONG QUẢN TRỊ KINH DOANH VÀ MARKETING

❖ **Điều kiện tiên quyết:**

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:**

Trang bị cho học viên tiếp cận các phương pháp phân tích dữ liệu trong chuyên ngành Quản Trị - Marketing. Cụ thể, người học sẽ:

- Làm chủ được Stata và SPSS – phần mềm ưu việt phân tích số liệu
- Có kỹ năng tìm kiếm và khai thác số liệu phù hợp cho các nghiên cứu
- Sử dụng được các phương pháp kinh tế lượng hiện đại trong nghiên cứu

11.39 PHÂN TÍCH DỮ LIỆU WEB (Web data analytics)

❖ **Điều kiện tiên quyết:** Cơ sở dữ liệu, Thiết kế và lập trình Web TMDT, Thương mại điện tử.

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Xu hướng phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông, đặc biệt là thế hệ web 2.0 đã hình thành nên một xu thế kinh doanh, quản lý và giao tiếp xã hội mới. Điều này dẫn đến hành vi của con người cũng thay đổi theo. Chính vì vậy, việc sử dụng và khai thác các website và các công cụ trực tuyến ngày càng hiệu quả. Các giao dịch mua bán, trao đổi thông tin hầu như được người dùng thực hiện trực tuyến trên website và các công cụ trực tuyến đó. Vì vậy, việc quản lý và phân tích dữ liệu từ các giao dịch đó phát sinh thêm nhiều vấn đề phức tạp, đặc biệt là dữ liệu phát sinh liên tục và đa dạng từ nhiều nguồn khác nhau dẫn đến khó quản lý và phân tích để làm thế nào hiểu được khách hàng, phân tích được tình hình kinh doanh của công

ty. Phân tích dữ liệu Web sẽ giúp người quản lý giải quyết điều khó khăn đó. Với mục tiêu là thu thập, phân tích, báo cáo những dữ liệu được giao dịch từ các website (gồm cả dữ liệu có cấu trúc và không có cấu trúc), phân tích dữ liệu Web được áp dụng để hỗ trợ đánh giá tình hình hoạt động cũng như xây dựng chiến lược kinh doanh, quản lý trong ngắn và dài hạn của công ty.

11.40 TOÁN TÀI CHÍNH NÂNG CAO

❖ **Điều kiện tiên quyết:** ECO1001 và MAT1009

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức nền vững chắc về toán tài chính. Các nội dung bao gồm giá trị theo thời gian của tiền, lý thuyết danh mục, lý thuyết thị trường vốn, lý thuyết định giá chứng khoán và phái sinh. Nội dung trọng tâm là xây dựng hiểu biết về khái niệm sâu sắc với các giả thuyết, cho thấy cách xây dựng các phương trình và các mối quan hệ.

11.41 ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

❖ **Điều kiện tiên quyết:**

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Định giá là một môn học cổ điển từ khi ra đời các môn học cơ bản về tài chính và cấu trúc tài chính của Merton Miller and Franco Modigliani. Dựa trên mô hình này, chúng ta sẽ phát triển các mô hình phổ biến và hiện đại về định giá tài sản và doanh nghiệp trong các môi trường và điều kiện khác nhau. Đặc biệt môn học sẽ đi sâu vào các mô hình của giáo sư Alfred Rappaport và Joel Stern (Stern Stewart & Co.) với các ứng dụng trong thực tiễn.

11.42 PHÂN TÍCH SỐ LIỆU MẢNG

❖ **Điều kiện tiên quyết:**

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Nội dung môn học gồm 5 chương. Chương I giới thiệu các khái niệm liên quan đến mô hình số liệu mảng và các động lực của mô hình phân tích số liệu mảng. Chương II trình bày các phương pháp ước lượng gộp. Chương III trình bày mô hình tác động ngẫu nhiên, phần mô hình tác động cố định được trình bày trong chương IV. Chương V giới thiệu một số mở rộng của mô hình số liệu mảng dạng cơ bản

11.43. VẬN TRÙ HỌC

❖ **Điều kiện tiên quyết:**

❖ **Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Môn học thuộc phạm vi kiến thức chuyên ngành. Trang bị cho SV những kiến thức, các áp dụng của bài toán quy hoạch tuyến tính dưới dạng đồ thị, mạng và một số áp dụng trong thực tế.

12. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

12.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên, chức vụ hiện tại	Năm sinh	Chức danh KH, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Phạm Hoàng Uyên	1976		TS - 2010	Toán (XSTK)	Lý thuyết xác suất Thống kê Bayes Toán tài chính nâng cao
2	Nguyễn Phúc Sơn	1980		TS-2009	Toán	Hiển thị dữ liệu (Data Visualization) Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính Lập trình thống kê Lý thuyết trò chơi Phân tích dữ liệu Bayes
3	Lê Anh Vũ	1958	PGS - 2006	TS - 1990	Hình học – Tô pô	Toán cao cấp
4	Phạm Văn Chung	1959		TS -2010		Thống kê ứng dụng Thống kê ứng dụng nâng cao Kinh tế lượng
5	Nguyễn Hồng Nga	1968	PGS	TS	Kinh tế tổ chức và xây dựng	Kinh tế vi mô
6	Hoàng Minh Tuấn			TS	Kinh Tế chính trị	Những nguyên lý căn của Chủ nghĩa Mác – Lê nin
7	Nguyễn Anh Phong			TS	Tài chính ngân hàng	Quản trị rủi ro

8	Nguyễn Thị Lan Anh	1969		TS - 2014	Tài chính	Nguyên lý kế toán
9	Phạm Thế Tri	1953		TS - 2002	Kinh tế, quản lý và kế hoạch hóa kinh tế quốc dân	Quản trị học căn bản Marketing căn bản
10	Lê Hoàng Sử			TS	Hệ Thống thông tin	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải
11	Trần Văn Đức			TS	Kinh tế đối ngoại	Kinh tế quốc tế Kinh tế đối ngoại
12	Mai Thu Phương			ThS	Quản trị kinh doanh	Kỹ năng làm việc nhóm
13	Lê Thanh Hoa	1983		ThS - 2007	Lý thuyết Xác suất và Thống kê Toán	Thống kê ứng dụng Kinh tế lượng
14	Nguyễn Đình Ưông	1979		ThS - 2008	Toán ứng dụng	Toán cao cấp Lý thuyết xác suất Thống kê ứng dụng Kinh tế lượng
15	Võ Thị Lệ Uyên	1980		ThS - 2007	Toán giải tích	Toán cao cấp Lý thuyết xác suất Thống kê ứng dụng Kinh tế lượng Dự báo kinh tế
16	Nguyễn Thị Thu Trang	1981		ThS - 2009	Luật kinh tế	Pháp luật đại cương Luật doanh nghiệp
17	Đào Thị Thu Hằng			ThS	Luật Kinh Tế	Luật doanh nghiệp
18	Hồ Trung Thành			ThS	Hệ thống thông tin	Phân tích dữ liệu web
19	Nguyễn Thị Bình Minh			ThS	Quản trị kinh doanh	Quản trị rủi ro
20	Hoàng Thọ Phú	1971		ThS - 1996	Tài chính	Nguyên lý thị trường tài chính

						Tài chính quốc tế
21	Đỗ Đức Khả	1965	GVC -2006	ThS -	Quản trị kinh doanh	Quản trị học căn bản
22	Nguyễn Anh Tuấn			ThS	Kinh Tế học	Kinh tế vĩ mô
23	Nguyễn Đình Thiên			ThS	Quản lí công nghiệp	Thị trường chứng khoán
24	Nguyễn Chí Hải		PGS	TS	Kinh tế chính trị	Lịch sử Kinh tế Việt Nam và các nước
25	Nguyễn Thanh Huyền			ThS	Kinh tế	Lập thẩm định dự án đầu tư
26	Nguyễn Duy Nhất			ThS	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin trong kinh doanh

12.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm	Cơ quan công tác hiện tại
1	Lê Tuyết Ánh		GVC.Ths		- Tâm lý học - Nhập môn khoa học giao tiếp	ĐH Khoa học XH & NV
2	Đào Minh Hồng		TS	Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế	ĐH Khoa học XH & NV
3	Trần Nam Tiến		PGS.TS	Quan hệ quốc tế	Địa chính trị thế giới	ĐH Khoa học XH & NV
4	Châu Văn Ninh		ThS	Toán	Phương pháp nghiên cứu khoa học	ĐH Khoa học XH & NV

5	Nguyễn Ngọc Thơ		TS	Xã hội học	Văn hóa học Xã hội học	ĐH Khoa học XH & NV
6	Tạ Minh		TS	Xã hội học		ĐH Khoa học XH & NV
7	Phạm Khánh Bằng		GVC.ThS	Triết học	- Đường lối CM ĐCSVN - Tư tưởng HCM	Học viện hành chính khu vực II
8	Đinh Thị Điều		GVC.ThS	Triết học		Học viện hành chính khu vực II
9	Nguyễn Xuân Dũng		ThS	Quản trị kinh doanh	- Thương mại điện tử - Thanh toán điện tử	Công ty Tư vấn VN (VCG)
10	Nguyễn Tiến Dũng		TS		Mô hình định giá tài sản	Đại học Bách Khoa
12	Nguyễn Lê Hoàng Anh		TS		Tối ưu ứng dụng Toán kinh tế	Đại Học Khoa học tự nhiên
13	Bùi Anh Tuấn		TS		Giới thiệu về máy học	Đại Học Khoa học tự nhiên
14	Hà Văn Thảo		ThS		Phương pháp số và tính toán song song	Đại Học Khoa học tự nhiên

12.3. Khối lượng giảng dạy của Giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng

	Thời lượng	Tỷ lệ
--	------------	-------

Giảng viên cơ hữu Trường đại học Kinh tế-Luật	97 tín chỉ	74.6%
Giảng viên thỉnh giảng	33 tín chỉ	25.4%
Tổng cộng	130 tín chỉ	100%

12.4. Danh sách một số giảng viên học vị Tiến sĩ và Thạc sĩ tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Văn bằng cao nhất	Ngành đào tạo
1	Phạm Hoàng Uyên	Tiến sĩ	Lý thuyết xác suất
2	Nguyễn Phúc Sơn	Tiến sĩ	Toán ứng dụng
3	Lê Anh Vũ	Tiến sĩ	Hình học - Tô pô
4	Phạm Văn Chứng	Tiến sĩ	Toán ứng dụng
5	Nguyễn Hồng Nga	Tiến sĩ	Kinh tế xây dựng
6	Trần Văn Đức	Tiến sĩ	Kinh tế đối ngoại
7	Nguyễn Thị Lan Anh	Tiến sĩ	Kê toán
8	Phạm Thế Tri	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
9	Nguyễn Anh Phong	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
10	Lê Hoàn Sử	Tiến sĩ	Hệ thống thông tin
11	Lê Thanh Hoa	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
12	Nguyễn Đình Ưông	Thạc sĩ	Toán ứng dụng
13	Võ Thị Lệ Uyên	Thạc sĩ	Toán ứng dụng
14	Nguyễn Thị Thu Trang	Thạc sĩ	Luật Kinh Tế
15	Hoàng Thọ Phú	Thạc sĩ	Tài Chính ngân hàng
16	Đỗ Đức Khả	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
17	Mai Thu Phương	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
18	Nguyễn Thị Phương Thảo	Thạc sĩ	Luật Kinh tế
19	Nguyễn Anh Tuấn	Thạc sĩ	Kinh tế học
20	Nguyễn Thị Bình Minh	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
21	Hồ Trung Thành	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin

12.5. Danh sách cố vấn học tập

STT	Cố vấn học tập
1	TS. Phạm Hoàng Uyên
2	TS. Nguyễn Phúc Sơn
3	PGS. TS Lê Anh Vũ
4	TS. Phạm Văn Chứng

5	TS. Lê Hồng Nhật
6	ThS. Lê Thanh Hoa (NCS)
7	ThS. Nguyễn Đình Ưông
8	ThS. Võ Thị Lệ Uyên

13. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

13.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, trang thiết bị

Đại học Kinh tế - Luật với tổng diện tích đất là 17,12 ha, với tổng diện tích đất sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường là 30,323 m². Để phục vụ đào tạo Chương trình cử nhân chất lượng cao, Trường Đại học Kinh tế - Luật đảm bảo trang bị đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Cụ thể:

Tổng số phòng học chất lượng cao gồm 24 phòng: A401, A402, A501, A604, , A701, A702, A704, A801, A802, A803, A804, A806, A807, A811, A812, A813, A901, A902, B1.501, B1.502, B1.503, B1.504, B1.505, B506 được kết nối internet tốc độ cao với đầy đủ các thiết bị hiện đại như máy lạnh trung tâm Mitsubishi, máy chiếu có độ nét cao, bảng từ, Flipchart, hệ thống âm thanh chuẩn cho giảng dạy và học tập.

13.2. Thư viện

Thư viện trường với cơ sở chính tọa lạc tại nhà điều hành và học tập của Trường (lầu 2 và lầu 8) và cơ sở hai tại số 45 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, Quận 1.

- Tổng diện tích thư viện: 940 m² trong đó diện tích phòng đọc: 466 m²
- Số chỗ ngồi: 550
- Số lượng máy tính có kết nối internet: 30 (19 máy cho SV tra cứu, 11 máy cho cán bộ thư viện).
- Phần mềm quản lý thư viện: Aleph

- Thư viện điện tử (có/không; đã kết nối được với CSDL nào trong nước, ngoài nước; Số lượng sách, giáo trình điện tử:

+ Thư viện trường ĐH Kinh tế - Luật: có thư viện điện tử, đã kết nối được với 01 CSDL điện tử ngoài nước (OECD); Số lượng sách, giáo trình điện tử: 54 ebook.

+ Kết nối: Thư viện ĐH Kinh tế - Luật đã kết nối và chia sẻ nguồn lực thông tin với 04 trường Đại học: Đại học Luật Hà Nội, Đại học Luật TP.HCM, Đại học Ngân hàng, Đại học kiểm sát; kết nối với mạng lưới thư viện các trường Đại học ASEAN (AUNILO, link: <https://aunilosec.blog/>).

+ Thư viện trung tâm ĐHQG TP.HCM: có thư viện điện tử, đã kết nối được với 04 CSDL điện tử trong nước (Bộ sưu tập số toàn văn: Sách/Bài giảng/Luận án tất cả các chủ đề; Toàn văn 13 tạp chí khoa học trong nước từ năm 2007 đến nay; Toàn bộ tài liệu Khoa học & Công nghệ của Cục KH&CN Quốc gia Việt Nam; CSDL Ebook tiếng Việt của Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM bao gồm: sách giáo khoa, giáo trình, từ điển thuộc tất cả các lĩnh vực), đã kết nối được với 18 CSDL điện tử ngoài nước (ACS, ScienceDirect, Springer, JL, MathSciNet, OECD, ProQuest, SpringerOpen, Emerald, IOP science, IGPublishing, IEEE, MIT OCW, Nature, EEWOWW, GALE Cengage Learning, Access Engineering, Access Science); Số lượng sách, giáo trình điện tử: 218 ebook.

❖ Thư viện của Trường Đại học Kinh tế-Luật: được trang bị máy tính kết nối internet

1	Diện tích	m ²	395
2	Số đầu sách	Quyển	926
3	Số đầu sách về Kinh doanh quốc tế	Quyển	168

13.2.1. Giáo trình, tập bài giảng

STT	Tên môn học	Tên giáo trình, Tài liệu TK	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB	Tình trạng
1	Toán cao cấp	Toán cao cấp	Lê Anh Vũ	ĐHQG-	2012	Đã có

2	Lý luận Nhà nước và pháp luật	Giáo trình lý luận về nhà nước và pháp luật.	Trường ĐH Luật Hà Nội,		2008	Đã có
3	Ngoại ngữ không chuyên (01)	Intelligent Business – Pre-Intermediate	Barall, I. & Barall, N.	England: Pearson Longman	2006	Đã có
4	Địa lý kinh tế	Địa lý kinh tế Việt Nam	Văn Thái	Thống kê	2003	Đã có
5	Xã hội học	Nhập môn xã hội học	Trần Thị Kim Xuyên (chủ biên)	ĐHQG TPHCM	2005	Đã có
6	Văn hóa học	Giáo trình Văn hóa học	Nguyễn Thị Thường	ĐH Sư Phạm Tp.HCM		Đã có
7	Lý thuyết xác suất	Giáo trình Lý thuyết xác suất	Phạm Hoàng Uyên	ĐHQG-HCM	2014	Đã có
8	Những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	BGD&ĐT			Đã có
9	Kinh tế học vi mô	Kinh tế học vi mô	Nguyễn Văn Luân	Văn hóa - Thông tin	2005	Đã có
10	Kế toán đại cương	Kế toán đại cương: Nguyên lý kế toán	La Xuân Đào	ĐHQG-HCM		Đã có
11	Ngoại ngữ không chuyên (02)	Intelligent Business – Pre-Intermediate	Barall, I. & Barall, N.	England: Pearson Longman	2006	Đã có
12	Quan hệ quốc tế	Bài giảng Nhập môn Quan hệ quốc tế	Hoàng Khắc Nam	ĐHKHXH & NV, Hà Nội	2006	Đã có
13	Địa chính trị trên thế giới	Bài giảng Địa chính trị trên thế giới	Trần Nam Tiến			Đã có
14	Nguyên lý thị trường tài chính	Giáo trình Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	Lê Văn Tề, Nguyễn Văn Hà	Tài chính	2005	Đã có
15	Kinh tế học vĩ mô	Kinh tế học vĩ mô	Nguyễn Văn Luân	Thống kê	2004	Đã có
16	Thống kê ứng dụng	Thống kê ứng dụng	Phạm Văn Chững	ĐHQG-HCM	2016	Đã có
17	Quản trị học căn	Quản trị học	Phạm Thế Tri	ĐHQG-HCM	2005	Đã có
18	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	BGD&ĐT			Đã có

19	Ngoại ngữ không chuyên (03)	Intelligent Business – Pre-Intermediate	Barall, I. & Barall, N.	England: Pearson Longman	2006	Đã có
20	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp nghiên cứu khoa học	GS.TS. Nguyễn Thị Cảnh	ĐHQG-HCM	2007	Đã có
21	Địa chính trị thế giới	Bài giảng Địa- chính trị thế giới.	TS. Trần Nam Tiến			Đã có
22	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Nguyễn Văn Trình Nguyễn Tiến Dũng Vũ Văn Nghinh	Thế giới	2004	Đã có
23	Marketing căn bản	Marketing căn bản	Quách Thị Bửu Châu	Thống kê	2005	Đã có
24	Kinh tế lượng	Kinh tế lượng	Lê Hồng Nhật	ĐHQG-HCM	2007	Đã có
25	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BGD&ĐT			Đã có
26						
27	Ngoại ngữ chuyên ngành (04)	Intelligent Business – Intermediate	Barall, I. & Barall, N.	England: Pearson Longman	2006	Đã có
28	Luật doanh nghiệp	Luật kinh tế	Phạm Duy Nghĩa	ĐHQG HN	2003	Đã có
29	Tài chính doanh nghiệp	Tài chính doanh nghiệp	Nguyễn Thị Diễm Châu chủ biên;	Thống kê	2003	Đã có
30	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế - Môi trường và hoạt động	John D. Daniesl, Lee H.Radebaugh ; Trương Công Minh, Trần Tuấn Thạc, Trần Thị Tường Như dịch	Tài chính	2004	Đã có
31	Toán kinh tế	Mathematical Economics	Alpha C.Chiang, Kevin Wainwright		2010	Đã có
32	Dự báo kinh tế	Giáo trình dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	Nguyễn Trọng Hoài, Phùng Thanh Bình, Nguyễn Khánh Duy	Thống Kê	2009	Đã có
33	Kinh tế lượng nâng cao	Kinh tế lượng	Nguyễn Quang Dong		2006	Đã có

34	Toán tài chính	Cơ sở Toán tài chính	Trần Trọng Nguyên	Khoa học và Kỹ thuật		Đã có
35	Quản trị tài chính	Brigham và Houston	<i>Quản trị tài chính</i> – Bản dịch tiếng Việt	Cengage		Đã có
36	Thị trường tài chính	Giáo trình Thị trường chứng khoán: Mô hình hoạt động và cơ chế vận hành	Khoa Tài Chính Ngân Hàng	ĐHQG Tp.HCM		Đã có
37	Tài chính quốc tế	International Corporate Finance	Jeff Madura	Cengage Learning	2010	Đã có
38	Quản trị rủi ro tài chính	Financial Risk Manager Fifth Edition	Philippe Jorion	John Wiley & Sons Inc		Chưa có
39	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	Hoàng Vĩnh Long	ĐHQG TP. HCM	2006	Đã có
40	Tối ưu ứng dụng trong kinh tế	Fundamental of Operations Research for Management	S.K.Gupta, J.M. Cozzolino		2012	Chưa có
41	Thống kê Bayes	Bayesian Data Analysis	Andrew Gelman et al		2014	Chưa có
42	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính	Nguyễn Quang Dong		2010	Đã có
43	Phân tích dữ liệu web	Web Analytics: An Hour a Day	Avinash Kaushik	Wiley Publishing	2007	Chưa có
44	Toán tài chính nâng cao	An Introduction to Mathematical Finance with Applications	A. O. Petters and X. Dong	Springer, New York, 2016	2006	Chưa có
45	Định giá tài sản	Mô hình định giá và phân tích tài sản	Hoàng Đình Tuấn			Đã có
46	Thống kê Bayes nâng cao	Bayesian Methods: A Social and Behavioral Sciences Approach	Gill, J		2014	Chưa có
47	Lý thuyết trò chơi	Game Theory for Applied Economists	Robert Gibbons		1992	Chưa có

48	Phân tích số liệu mảng	Kinh tế lượng	Vũ Thiều, Nguyễn Quang Dong, Nguyễn Khắc Minh	Nhà xuất bản khoa học và kỹ	2001	Đã có
49	Phân tích dữ liệu Bayes	Bayesian Data Analysis	Andrew Gelman et al		2014	Chưa có
50	Giới thiệu về học máy	An Introduction to Statistical Learning: with Applications in R	Trevor Hastie et al		2017	Chưa có
51	Cơ sở dữ liệu	Nhập môn Cơ sở dữ liệu	Nguyễn Duy Nhất	ĐHQG-HCM	2009	Đã có

13.2.2. Sách chuyên khảo, tạp chí

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
1	Robustness in Econometrics	Tran, H. D., Nguyen, S. P., Le, H. T., & Pham, U. H. (2017) et al	Springer International Publishing.		Thống kê Bayes Thống kê Bayes nâng cao Phân tích dữ liệu Bayes Cơ sở dữ liệu Lập trình thống kê
2	Tạp chí Đại học Sài	Phạm Hoàng Uyên, Lý Sel, Lê Thanh Hoa	ĐH Sài Gòn	8(33) 10/2015	Thống kê Bayes Thống kê Bayes nâng cao Phân tích dữ liệu Bayes Cơ sở dữ liệu Toán tài chính
3	Revista De La Unión Matemática Argentina	Lê Anh Vũ		1669-9637 (online), 0041-6932 (print)	Cơ sở dữ liệu Toán kinh tế

4	Tạp chí Khoa học trường ĐHSP TPHCM,	Lê Anh Vũ et al	Wiley, 2009	Tập 14, Số 9 (2017)	Cơ sở dữ liệu Toán kinh tế
5	Integrated business process with ERP systems	Simha R. Magal and Jeffrey Word	Wiley, 2012	ISBN : 978-0-470-46560-8	Thống kê Bayes Thống kê Bayes nâng cao Phân tích dữ liệu Bayes Cơ sở dữ liệu Lập trình thống kê

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình: Chương trình dự kiến áp dụng từ năm học 2018 -2019

15. Dự kiến kế hoạch kiểm định chương trình đào tạo:

Chương trình sẽ được cập nhật định kỳ 2 năm 1 lần và có thay đổi lớn định kỳ 4 năm 1 lần. Trong 4 năm, khoa sẽ tiến hành khảo sát lấy ý kiến sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp và những nhà chuyên môn để hoàn thiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu cao nhất cho xã hội. Dự kiến vào năm 2022 chương trình sẽ tham gia vào kiểm định cấp chương trình trong nước và khu vực.

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. PHẠM HOÀNG UYÊN

HIỆU TRƯỞNG




PGS.TS NGUYỄN TIẾN DŨNG

